TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 94/2020/HS-ST
Ngày 14 tháng 7 năm 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Mạnh Thắng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Bảng
2. Ông Nguyễn Văn Môn

- Thư ký phiên toà: Ông Đặng Văn Hưng – Thư ký Toà án nhân dân thành phố B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên toà: Ông Trần Ngọc Nam - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 94/2020/HSST ngày 12 tháng 6 năm 2020 Quyết định đưa vụ án ra xét xử số ..../2020/QĐXXST-HS ngày 30/6/2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Hoàng Văn C, sinh năm 1972; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn M, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 11/12; Con ông Hoàng Văn H (Đã chết) và bà Triệu Thị P; Gia đình có 4 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ là chị Lương Thị C, sinh năm 1971 (đã và có 03 con, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 2000; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân:

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 70/2015/HSST ngày 25/11/2015 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn xử phạt Hoàng Văn C 02 năm 06 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Bị can đã chấp hành xong hình phạt ngày 25/8/2017.

+ Quyết định số 3713/QĐ-UB ngày 03/10/2012 của Chủ tịch UBND huyện C, tỉnh Lạng Sơn đưa vào cơ sở chữa bệnh 24 tháng (đã hết thời hiệu).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/01/2020, chuyển tạm giam ngày 09/01/2020, đến ngày 18/01/2020 được thay thế bằng biện pháp bảo lĩnh, hiện tại ngoại.

2. Họ và tên: Lương Văn D, sinh năm 1991; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn K, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Văn hóa: 9/12; Con ông Lương Văn H, sinh năm 1967 và bà Vi Thị P, sinh năm 1966; Gia đình có 4 anh em, bị cáo là con thứ tư; Vợ là chị Vi Thị Đ, sinh năm 1993 và có 01 con sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Bị cáo bị bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/01/2020 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang.

(Các bị cáo đều có mặt tại phiên tòa).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Chị Vi Thị Đ, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn K, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

(Có mặt)

* Người chứng kiến:

- Ông Vương Quốc T, sinh năm 1962

Địa chỉ: Tổ 4, đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- Ông Chu Đình T1, sinh năm 1973

Địa chỉ: Xóm C, xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- Ông Lê Văn T2, sinh năm 1976

Địa chỉ: Tổ dân phố M, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

(Những người chứng kiến đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 13 giờ 22 phút ngày 03/01/2020, tại khu vực trước cửa khoa Lão học Bệnh viện X, tổ công tác Công an phường H, thành phố B bắt quả tang Lương Văn D, sinh năm 1991, trú tại thôn K, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ:

- 01 túi ni lon mầu trắng, một đầu có rãnh khóa bằng nhựa và đường viền mầu đỏ bên trong đựng chất cục bột mầu trắng nghi là chất ma túy Heroine và 01 mẩu đầu lọc thuốc lá, tất cả được quấn bằng băng dính mầu đen ở bên ngoài thu giữ bên trong bao thuốc lá nhãn hiệu 555 vỏ mầu vàng xanh được cất trong túi quần trước bên trái mà Lương Văn D đang mặc khi bị bắt;

- 01 bao thuốc lá nhãn hiệu 555 vỏ mầu vàng xanh, bên trong có 03 điếu thuốc chưa sử dụng;

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda loại xe Wave RSX mầu đỏ đen, Biển số 12X1-XXX; 01 chứng minh thư nhân dân, 01 đăng ký xe mô tô biển số 12X1-XXX đều mang tên Lương Văn D;

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamSung đã qua sử dụng (không kiểm tra chất lượng máy);

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo mầu trắng, Số Imei 864835037253253 đã qua sử dụng;

- Số tiền 294.000 đồng (hai trăm chín mươi bốn nghìn đồng).

Căn cứ lời khai của D, hồi 13 giờ 55 phút ngày 03/01/2020 tại hành lang khoa cấp cứu Bênh viện X, Tổ Công tác Công an phường H đã tiến hành kiểm soát Hoàng Văn C, sinh năm 1972, trú tại thôn M, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Hoàng Văn C đã tự giác lấy trong túi áo bên trái đang mặc ra giao nộp: 01 gói ni lon hở một đầu, bên trong đựng 01 gói giấy bạc có mặt ngoài có hình, mặt trong mầu mầu trắng, bên trong đựng chất bột mầu trắng nghi là ma túy Herone (BL 101). Ngoài ra còn tạm giữ số tiền 280.000 đồng (hai trăm tám mươi nghìn đồng).

Tổ công tác tiến hành niêm phong tại chỗ vật chứng nghi ma tuý thu giữ của C và D vào 02 phong bì thư dán kín, đưa người và vật chứng về trụ sở Công an phường H lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Lương Văn D, ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Hoàng Văn C.

Kết luận giám định số 27/KL-KTHS ngày 07/01/2020 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận:

"2.1. Trong 01 (một) phong bì phong bì thư đã được niêm gửi định:

+ Trong một gói được quấn ngoài bằng băng dính màu đen:

- Chất cục bột mầu trắng (đựng trong 01 (một) túi ni lon mầu trắng, một đầu có rãnh khoá bằng nhựa và viền màu đỏ) là chất ma túy **Heroine,** có khối lượng **0,645** gam.

- Trong 01 (một) đầu lọc thuốc lá 555 không tìm thấy thành phần chất ma túy.

2.2. Trong 01 (một) phong bì thư đã được niêm phong gửi giám định:

- Chất bột mầu trắng (đựng trong 01 (một) gói giấy mặt ngoài có hình, mặt trong màu trắng, trong 01 (một) gói nilon hở một đầu) là chất ma túy **Heroine**, có khối lượng **0,065** gam."

Quá trình điều tra, Lương Văn D, Hoàng Văn C khai nhận như sau: Khoảng 09 giờ sáng ngày 03/01/2020, D điều kiển mô tô biển số 12X1-099.022 chở Hoàng Văn C (có quan hệ là chú rể) từ Bệnh viện Đa khoa huyện C, tỉnh Lạng Sơn xuống Bệnh viện X mục đích để khám lại chân cho C. Khi đi đến đoạn trước cửa nhà nghỉ N, thuộc thuộc thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang thì C kêu đau chân nên bảo D dừng lại vào nhà nghỉ thuê phòng nghỉ. Khi D vào nhà nghỉ thuê phòng thì C gặp một người đàn ông không quen biết ở trước cửa nhà nghỉ, C hỏi mua 100.000 đồng tiền ma túy, người đàn ông đồng ý và đòi đưa thêm 50.000 đồng tiền công. C đưa

cho người đàn ông đó 150.000 đồng, người đàn ông đó đưa cho C 01 gói ma túy. C cất gói ma túy vào trong túi áo rồi vào phòng nghỉ với D. Khoảng 01 giờ sau, D và C trả phòng nghỉ và đi đến khu vực cổng Bệnh viện X. Trên đường đi, C dùng điện thoại di động SamSung gắn sim số 0812.666.836 để gọi điện cho người bạn quen biết ngoài xã hội tên T, có số thuê bao 0852425237 để nhờ mua ma túy hộ. T trả lời là đang không có ở Bắc Giang và gửi cho C một số điện thoại để mua ma túy. Sau đó C gọi đến số thuê bao 0921881334 mà T gửi cho thì nghe thấy một giọng nam. C đặt vấn đề hỏi mua ma túy thì người đàn ông đó đồng ý và hẹn khi nào đến Bệnh viện X thì gọi lại. Khi D và C đi đến khu vực cổng Bệnh viện X thì đã là buổi trưa nên cả hai và vào quán cơm đối diện cổng Bệnh viện X để ăn cơm. Lúc này, C lại gọi điện cho người đàn ông đó để hỏi mua 3.700.000 đồng tiền ma túy Heroine thì nam thanh niên đó đồng ý và hẹn lên tầng 2 nhà 9 tầng Bệnh viện X. Trong lúc ăn cơm C bảo với D là lát ăn xong chú đưa tiền lên tầng 2 Bệnh viện X lấy thuốc, D hiểu là đi mua ma túy và đồng ý. Sau khi ăn xong, D đưa C vào ghế hành lang khoa cấp cứu Bệnh viện X ngồi chờ, C đưa số tiền 3.700.000 đồng và điện thoại cho D và chỉ cho D một số điện thoại trong danh sách cuộc gọi bảo lên không gặp thì gọi vào số đó để lấy thuốc. D cầm điện thoại và tiền C đưa nhưng không đếm rồi đi lên tầng 2 Khoa Lão học Bệnh viện X. Lên đến nơi D thấy một người không rõ là nam hay nữ, đội mũ, đeo khẩu trang đang ngồi ở ghế chờ hành lang, D tiến lại gần và đưa cho người đó tiền, người đó cầm tiền và chỉ cho D ma túy trong bao thuốc trên ghế. D cầm bao thuốc cho vào túi quần đi về thì bị lực lượng công an kiểm tra, bắt quả tang về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. C ngồi ở ghế đá đợi được một lúc thì bị lực lượng công an đến kiểm tra, C tự giác lấy từ trong túi áo 01 gói ma túy giao nộp cho lực lượng công an.

Tại Cơ quan điều tra, C khai sử dụng chiếc điện thoại di động SamSung gắn sim số 0812.666.836 để gọi điện cho người tên là Thanh có số thuê bao 0852425237 để hỏi mua ma túy. Sau đó T nhắn tin số thuê bao của người bán ma túy cho C là 0921881334. Cơ quan điều tra đã tiến hành kiểm tra điện thoại di động của C và xác minh thông tin chủ thuê bao các số điện thoại nêu trên, kết quả xác minh tại địa phương những người chủ thuê bao nêu trên đều không có tại địa phương nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra xử lý.

Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho C tại khu vực trước cửa nhà nghỉ Như ý, C khai không quen biết nên không có căn cứ để điều tra xử lý.

Đối với chiếc xe mô tô Biển số 12X1-XXX xác minh có đăng ký tên chủ sở hữu là Lương Văn D.

Tại Cáo trạng số 101/CT-VKS ngày 12/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố Hoàng Văn C và Lương Văn D về tội: "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo Hoàng Văn C và Lương Văn D khai nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Vi Thị Đ khai: chị là vợ của bị cáo D, chiếc xe mô tô Biển số 12X1-XXX mang tên chủ sở hữu là Lương Văn D

nhưng là tài sản này nguồn gốc là tiền của chị bỏ ra mua mà có. Nay chị xin được nhận lại chiếc xe này.

Những người người chứng kiến vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai trong hồ sơ nội dung như nêu ở phần trên.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích tính chất, hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tội danh: Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn C và Lương Văn D phạm tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

2. Hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 17, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt Hoàng Văn C từ 22 tháng tù đến 24 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án nhưng được trừ tạm giữ, tạm giam bị cáo từ ngày 03/01/2020, đến ngày 18/01/2020. Miễn phạt tiền bổ sung cho bị cáo.

- Xử phạt Lương Văn D từ 16 tháng tù đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam bị cáo 03/01/2020. Miễn phạt tiền bổ sung cho bị cáo.

3. Vật chứng của vụ án: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 02 phong bì thư niêm phong đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định và 01 bao thuốc lá nhãn hiệu 555 vỏ màu xanh, bên trong có 03 điếu thuốc chưa sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo D 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo mầu trắng, Số Imei 864835037253253 đã qua sử dụng, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda loại xe Wave RSX mầu đỏ đen, Biển số 12X1-XXX; 01 chứng minh thư nhân dân, 01 đăng ký xe mô tô biển số 12X1-XXX đều mang tên Lương Văn D và số tiền 294.000 đồng; nhưng tạm giữ số tiền 294.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo C số tiền 280.000 đồng.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại SamSung đã qua sử dụng của bị cáo C

4. Án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, miễn án phí sơ thẩm cho bị cáo C.

Không ai có ý kiến gì tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo đều trình bày: Nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, cảm thấy rất hối hận về hành vi của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ váo các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, những người chứng kiến đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Tuy nhiên, tại giai đoạn điều tra và truy tố đã có lời khai đầy đủ nên sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ án. Hội đồng xét xử giải quyết vụ án vắng mặt họ là phù hợp với quy định tại Điều 292 và Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh: Lời khai của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của những người chứng kiến, vật chứng thu giữ, Kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Hồi 13 giờ 22 phút ngày 03/01/2020, tại khu vực trước cửa Khoa Lão học Bệnh viện X, tổ công tác Công an phường H, thành phố B bắt quả tang Lương Văn D đang có hành vi tàng trữ trái phép 0,645 gam chất ma túy Heroine. Nguồn gốc số ma túy thu giữ của D là do buổi trưa ngày 03/01/2020 D được Hoàng Văn C đưa cho số tiền 3.700.000 đồng bảo D lên khoa Lão học Bệnh viện X để mua ma túy hộ, D đồng ý đi mua hộ. Cùng ngày, tại Khoa cấp cứu Bệnh viện X tổ công tác tiến hành kiểm soát Hoàng Văn C phát hiện C có hành vi tàng trữ trái phép 0,065 gam chất ma túy Heroine. Mục đích C mua ma túy để sử dụng cho bản thân. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự; Lương Văn D phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi tàng trữ trái phép 0,645 gam chất ma túy Heroine. Hoàng Văn C phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi tàng trữ trái phép 0,710 gam chất ma túy Heroine. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố các bị cáo theo tội danh và điều khoản trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất hành vi phạm tội: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm sự độc quyền quản lý về ma túy của Nhà nước, xâm phạm trật tự xã hội, làm mất an ninh trật tự tại địa phương, bị xã hội lên án. Hành vi của các bị cáo là nguyên nhân kéo theo nhiều tội phạm nguy hiểm khác như nghiện hút,trộm cắp tài sản, cướp tài sản.... là căn nguyên của căn bệnh thế kỷ HIV/AIDS, nguyên nhân lớn ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình, an toàn trật tự công cộng của xã hội. Các bị cáo biết rõ tác hại của ma túy nhưng chỉ vì mục đích, nhu cầu cá nhân, bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, do vậy, cần xử nghiêm bằng pháp luật hình sự nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội này.

[4] Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Trong vụ án này các bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội nhưng không có sự bàn bạc, không tổ chức, phân công thực hiện hành vi phạm tội nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Bị cáo C là người chủ động liên hệ việc mua ma túy và đưa tiền cho bị cáo D đi mua ma túy, bị cáo D là người trực tiếp đi mua ma túy, nên bị cáo C có vai trò chính trong vụ án, bị cáo D có vai trò thứ hai.

[5] Về nhân thân: Bị cáo C có nhân thân xấu đã bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng sơn xét xử về tội trữ trái phép chất ma túy và bị Chủ tịch UBND huyện C, tỉnh Lạng Sơn xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh 24 tháng; bị cáo D chưa bị Tòa án nào xét xử về tội gì và chưa bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền nào xử lý hành chính.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[7] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa và tại cơ quan điều tra, các bị cáo đều khai báo thành khẩn và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, do vậy cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được qui định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình.

Với tính chất hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sư như trên. Xét thấy cần thiết phải xử các bị cáo hình phạt tù có thời hạn, bắt các bị cáo cách ly khỏi xã hội một thời gian để giáo dục các bị cáo thành người công dân biết tuân thủ pháp luật.

[8] Về hình phạt bổ sung: Bản thân bị cáo D không có công ăn việc làm ổn định, hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Bị cáo C thuộc hộ cận nghèo. Do vậy, cần miễn hình phạt bổ sung bằng tiền để các bị cáo yên tâm cải tạo thành người có ích cho xã hội.

[9] Về vật chứng:

- 02 phong bì thư niêm phong đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định là vật cấm lưu hành và 01 bao thuốc lá nhãn hiệu 555 vỏ màu xanh, bên trong có 03 điếu thuốc chưa sử dụng là vật không còn giá trị cần tịch thu tiêu hủy

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo mầu trắng, Số Imei 864835037253253 đã qua sử dụng, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda loại xe Wave RSX mầu đỏ đen, Biển số 12X1-XXX; 01 chứng minh thư nhân dân, 01 đăng ký xe mô tô biển số 12X1-XXX đều mang tên Lương Văn D và số tiền 294.000 đồng không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho bị cáo D; nhưng tạm giữ số tiền 294.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

- Số tiền 280.000 đồng của bị cáo C không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho bị cáo C nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án; 01 chiếc điện thoại SamSung đã qua sử dụng của bị cáo C dùng để liên lạc mua ma túy nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[10] Những vấn đề khác có liên quan trong vụ án:

- Chị Đ khai nguồn gốc chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại xe Wave RSX mầu đỏ đen, Biển số 12X1-XXX là tiền của chị mua, chị Đ xin nhận lại chiếc xe, tuy nhiên giấy tờ xe mang tên bị cáo D nên Hội đồng xét xử trả cho bị cáo D như nêu trên là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Đối với với người đàn ông đã bán ma túy cho C tại khu vực trước cửa nhà nghỉ Như ý, do không xác minh được tên tuổi, địa chỉ nên không đặt ra xem xét trong vụ án này.

- Đối với người tên là T mà bị cáo C liên lạc qua điện thoại để hỏi mua ma túy và người bán ma túy cho bị cáo D, do không xác minh được tên tuổi, địa chỉ nên không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[11] Về án phí: Bị cáo D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo C.

Ngoài ra, cần tạm giam bị cáo D 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án và áp dụng các Điều 331; 333 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên quyền kháng cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm a, c khoản 1 Điều 47, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 292; Điều 293 Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Tội danh: Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn C và Lương Văn D phạm tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

2. Hình phạt:

- Xử phạt Hoàng Văn C 02 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ thi hành án nhưng được trừ tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/01/2020, đến ngày 18/01/2020. Miễn phạt tiền bổ sung cho bị cáo.

- Xử phạt Lương Văn D 01 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo 03/01/2020. Miễn phạt tiền bổ sung cho bị cáo.

3. Vật chứng của vụ án:

- Tịch thu tiêu hủy 02 phong bì thư niêm phong đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định và 01 bao thuốc lá nhãn hiệu 555 vỏ màu xanh, bên trong có 03 điếu thuốc chưa sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo D 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo mầu trắng, Số Imei 864835037253253 đã qua sử dụng, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda loại xe Wave RSX mầu đỏ đen, Biển số 12X1-XXX; 01 chứng minh thư nhân dân, 01 đăng

ký xe mô tô biển số 12X1-XXX đều mang tên Lương Văn D và số tiền 294.000 đồng; nhưng tạm giữ số tiền 294.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo C số tiền 280.000 đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại SamSung đã qua sử dụng của bị cáo C

4. Về án phí: Buộc bị cáo Hoàng Văn C phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lương Văn D.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND thành phố B;
- Công an thành phố B;
- Chi cục THADS TP. B;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Mạnh Thắng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**